

Số 1269/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt chuẩn công nghệ thông tin trong quá trình học
đối với sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần chất lượng cao
Khóa 11 trở về trước - Đợt tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 984/QĐ-ĐHNH, ngày 04/04/2025 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định “Về việc Quy định chuẩn Công nghệ thông tin trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Xét chứng chỉ Tin học của sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 129 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) Khóa 11 trở về trước đạt chuẩn công nghệ thông tin trong quá trình học - Đợt tháng 5 năm 2025

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3: để th/ hiện;
- PKT&ĐBCL; PĐT
- Lưu VP, Ban CLC (2b).



DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BÁN PHẦN (CLC) KHÓA 11 TRỞ VỀ TRƯỚC

ĐẠT CHUẨN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG QUÁ TRÌNH HỌC - ĐỢT THÁNG 5 NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định: 1769/QĐ/ĐHNH, ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp sinh hoạt	Chứng chỉ Nâng cao	Chứng chỉ cơ bản	Chứng chỉ IC3	Chứng chỉ MOS	Nơi cấp
1	050610220003	Đặng Văn An	18/12/2004	HQ10-GE14	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
2	050610220789	Lâm Minh Anh	18/09/2004	HQ10-GE07		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
3	050610220799	Nguyễn Thị Lan Anh	12/02/2004	HQ10-GE14		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
4	050610220023	Hoàng Thị Trâm Anh	03/03/2004	HQ10-GE25	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
5	050610220800	Nguyễn Thị Phương Anh	01/11/2004	HQ10-GE25		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
6	050610220807	Từ Nguyễn Châu Anh	02/10/2004	HQ10-GE26		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
7	050609211813	Bùi Thị Vân Anh	27/04/2003	HQ9-GE13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
8	050607190045	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	29/05/2001	HQ7-GE17		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
9	050608200023	Nguyễn Khánh Băng	06/10/2002	HQ8-GE13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
10	050611230143	Đặng Ngọc Châu	28/01/2005	HQ11-BAF21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
11	050611230174	Nguyễn Vũ Hoài Đăng	12/08/2005	HQ11-ACC03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
12	050611230180	Ngô Xuân Danh	11/04/2005	HQ11-BAF13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
13	050610220133	Trần Hữu Đức	26/10/2004	HQ10-GE23	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
14	050610220898	Trương Thị Cẩm Giang	29/01/2004	HQ10-GE26		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
15	050609210298	Phạm Thị Trường Giang	27/11/2003	HQ9-GE14	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
16	050610220139	Mai Thị Ngân Hà	02/01/2004	HQ10-GE21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
17	050609210330	Hoàng Lê Ngân Hà	22/03/2003	HQ9-GE14		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
18	050610220146	Lý Châu Hải	04/02/2004	HQ10-GE21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
19	050610220925	Nguyễn Trương Khả Hân	03/06/2004	HQ10-GE13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
20	050610220165	Nguyễn Ngọc Hân	20/03/2004	HQ10-GE28		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
21	050609211917	Phạm Diệu Hằng	15/02/2002	HQ9-GE14		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
22	050611230350	Lưu Thành Hậu	12/08/2005	HQ11-BAF21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam

TT	Mã số sinh viên	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp sinh hoạt	Chứng chỉ Nâng cao	Chứng chỉ cơ bản	Chứng chỉ IC3	Chứng chỉ MOS	Nơi cấp
23	050609210420	Trần La Trung	Hiếu	12/03/2003	HQ9-GE21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
24	050610220941	Trương Hồng	Hoa	15/04/2004	HQ10-GE21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
25	050609210428	Trần Thị Minh	Hoài	08/20/2003	HQ9-GE21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
26	050611230380	Trần Minh	Hoàng	29/01/2005	HQ11-BAF14			X	X	IIG Việt Nam
27	050610220197	Ngô Quang	Hùng	25/01/2004	HQ10-GE18		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
28	050610220966	Ngô Thanh	Hương	13/09/2004	HQ10-GE01		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
29	050610220220	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	27/02/2004	HQ10-GE06		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
30	050610220965	Hồ Quỳnh	Hương	08/09/2004	HQ10-GE25		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
31	030135190207	Nguyễn Đức	Huy	09/06/2001	HQ7-GE16	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
32	050609210474	Nguyễn Quốc	Huy	10/08/2003	HQ9-GE03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
33	050609211956	Nguyễn Đăng Minh	Huy	11/02/2003	HQ9-GE07		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
34	050610220208	Lê Khánh	Huyền	22/10/2004	HQ10-GE23	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
35	050611230449	Nguyễn Ngọc	Huyền	23/05/2005	HQ11-ACC03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
36	050608200372	Lê Đình Thanh	Huyền	15/04/2002	HQ8-GE09	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
37	050608200069	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	23/03/2002	HQ8-GE11		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
38	050607190180	Nguyễn Ngọc	Huỳnh	17/11/2000	HQ7-GE12		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
39	050610220229	Nguyễn An	Khang	29/07/2004	HQ10-GE27		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
40	050606180163	Đoàn Võ Minh	Khoa	04/09/2000	HQ6-GE08	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
41	050611230522	Trần Như	Kim	09/04/2005	HQ11-BAF16		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
42	050609210629	Phạm Thị Hồng	Liên	04/05/2003	HQ9-GE22		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
43	050610220271	Lưu Huệ	Linh	31/08/2004	HQ10-GE01		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
44	050610220267	Lê Nguyễn Hà	Linh	26/05/2004	HQ10-GE09		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
45	050610221034	Nguyễn Khánh	Linh	01/12/2004	HQ10-GE22		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
46	050610221030	Lê Thị Yến	Linh	05/08/2004	HQ10-GE29	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
47	050608200207	Lý Gia	Linh	14/03/2001	HQ8-GE09		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
48	050608200410	Đậu Thị Khánh	Linh	04/11/2002	HQ8-GE19		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam

TT	Mã số sinh viên	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp sinh hoạt	Chứng chỉ Nâng cao	Chứng chỉ cơ bản	Chứng chỉ IC3	Chứng chỉ MOS	Nơi cấp
49	050609210640	Trần Ngọc Yến	Linh	11/6/2002	HQ9-GE03	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
50	050609210646	Phạm Ngọc	Linh	04/09/2003	HQ9-GE15		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
51	050609212018	Trần Nguyễn Bảo	Linh	24/05/2003	HQ9-GE15		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
52	050606180198	Cao Phát	Lợi	25/02/1999	HQ6-GE08	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
53	050610220287	Dương Mai	Ly	21/03/2004	HQ10-GE07		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
54	050610221063	Hồ Lê Thanh	Mai	16/02/2004	HQ10-GE08		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
55	050609212035	Nguyễn Thị Hoa	Mai	18/04/2003	HQ9-GE15		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
56	050609212036	Phạm Ngọc	Mai	09/12/2003	HQ9-GE22		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
57	050608200091	Dương Văn	Minh	13/09/2002	HQ8-GE17		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
58	050610221090	Nguyễn Thị	My	12/07/2004	HQ10-GE15	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
59	050608200449	Nguyễn Hồng Hải	My	19/03/2002	HQ8-GE02		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
60	050609210794	Võ Thị Thùy	Mỹ	22/01/2003	HQ9-GE15		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
61	050609210797	Nguyễn Nhật	Nam	09/09/2003	HQ9-GE23		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
62	050610221102	Trần Huỳnh	Nga	11/09/2004	HQ10-GE32		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
63	050610220339	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	18/07/2004	HQ10-GE16	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
64	030135190355	Phạm Kim	Ngân	11/06/2001	HQ7-GE05		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
65	050610220359	Nguyễn Thị Cẩm	Ngọc	29/03/2004	HQ10-GE32	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
66	050611230779	Đỗ Yến	Ngọc	08/01/2005	HQ11-BAF05		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
67	050609212076	Trần Thị Bích	Ngọc	17/07/2003	HQ9-GE03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
68	050609210919	Nguyễn Huỳnh Bích	Ngọc	09/29/2003	HQ9-GE07		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
69	050610221143	Dương Trần Thái	Nguyên	11/10/2004	HQ10-GE10		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
70	050610221152	Nguyễn Hải	Nguyệt	24/02/2004	HQ10-GE19		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
71	050609212080	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	04/09/2003	HQ9-GE16		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
72	050611230843	Nguyễn Vũ Thanh	Nhàn	15/12/2005	HQ11-BAF13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
73	050609210966	Nguyễn Hữu	Nhân	17/09/2003	HQ9-GE16		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
74	050610220394	Lê Thị Ngọc	Nhi	04/06/2004	HQ10-GE24	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM

TT	Mã số sinh viên	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp sinh hoạt	Chứng chỉ Nâng cao	Chứng chỉ cơ bản	Chứng chỉ IC3	Chứng chỉ MOS	Nơi cấp
75	050610220389	Đỗ Ngọc Thảo	Nhi	21/04/2004	HQ10-GE25		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
76	050611230897	Trần Duy Yến	Nhi	16/04/2005	HQ11-ACC05		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
77	050611230887	Nguyễn Thị Yến	Nhi	08/11/2005	HQ11-MAG06		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
78	050609210989	Ông Gia	Nhi	09/20/2003	HQ9-GE03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
79	050611230935	Nguyễn Ngọc Yến	Như	03/10/2005	HQ11-BAF17	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
80	050611230940	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	07/11/2005	HQ11-BAF17		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
81	050609212126	Tô Hà Kiều	Oanh	22/06/2003	HQ9-GE16		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
82	050611231021	Trần Huyền	Phuong	24/03/2005	HQ11-ACC01		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
83	050609212146	Nguyễn Phạm Hoàng	Phuong	26/02/2003	HQ9-GE16		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
84	050610220488	Lê Mỹ	Quỳnh	06/07/2004	HQ10-GE29		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
85	050610220502	Nguyễn Thị Nam	Quỳnh	28/01/2004	HQ10-GE22		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
86	050610220506	Tạ Diễm Như	Quỳnh	01/06/2004	HQ10-GE23		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
87	050610221289	Phan Nguyên Như	Sa	03/09/2004	HQ10-GE19		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
88	050611231086	Trương Tấn	Sang	09/09/2005	HQ11-BAF07		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
89	050611231097	Nguyễn Tấn	Tài	09/01/2005	HQ11-BAF16		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
90	050610220537	Vũ An	Thanh	19/02/2004	HQ10-GE29		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
91	050610220547	Ngô Nguyên	Thảo	23/12/2004	HQ10-GE10	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
92	050611231148	Lê Thị Phương	Thảo	04/05/2005	HQ11-BAF13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
93	050611231168	Vương Thị Thanh	Thảo	26/01/2005	HQ11-BAF13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
94	050608200145	Bùi Thị Thanh	Thảo	09/08/2002	HQ8-GE03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
95	050609211328	Bùi Trương Phương	Thảo	01/07/2003	HQ9-GE02		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
96	050609211349	Lương Thanh	Thảo	10/01/2003	HQ9-GE26	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
97	050611231171	Nguyễn Phạm Anh	Thi	04/05/2005	HQ11-BAF19		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
98	050611231189	Từ Trương Hoài	Thu	07/06/2005	HQ11-BAF12		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
99	050610220599	Quản Thị Minh	Thư	29/01/2004	HQ10-GE01		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
100	050611231197	Huỳnh Anh	Thư	17/11/2005	HQ11-BAF04		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam

TT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp sinh hoạt	Chứng chỉ Nâng cao	Chứng chỉ cơ bản	Chứng chỉ IC3	Chứng chỉ MOS	Nơi cấp
101	050611231225	Nguyễn Thị Minh Thu	12/11/2005	HQ11-BAF14		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
102	050611231222	Nguyễn Thị Minh Thu	08/06/2005	HQ11-BAF15		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
103	050611231237	Trần Thị Anh Thu	02/09/2004	HQ11-BAF20		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
104	050610220610	Cao Nhật Thy	25/06/2004	HQ10-GE14	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
105	050611231293	Võ Thị Kiều Tiên	15/06/2003	HQ11-MAG02		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
106	050606180337	Trần Thủy Tiên	12/11/2000	HQ6-GE09		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
107	110302200031	Nguyễn Trần Mỹ Tiên	19/02/2002	HQ8-GE06	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
108	050609212255	Trần Thị Thủy Tiên	20/09/2003	HQ9-GE27		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
109	050611231296	Trần Thế Tiến	30/09/2005	HQ11-MAG02		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
110	050610221423	Bùi Quốc Tới	15/07/2004	HQ10-GE21		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
111	050609211530	Trương Ngọc Trân	14/11/2003	HQ9-GE03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
112	050610220625	Đỗ Mai Trang	12/01/2004	HQ10-GE06		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
113	050611231409	Vũ Thị Thùy Trang	09/03/2005	HQ11-MAG07		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
114	050609211577	Đỗ Cao Trí	24/07/2003	HQ9-GE18		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
115	050609211580	Nguyễn Minh Triết	21/03/2003	HQ9-GE03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
116	050610220667	Lê Thảo Phương Trinh	21/06/2004	HQ10-GE28		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
117	050611231440	Hoàng Thanh Trúc	12/05/2005	HQ11-BAF17		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
118	050611231438	Đỗ Ngọc Trúc	04/08/2005	HQ11-BAF19		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
119	050607190591	Nguyễn Thanh Trúc	29/03/2001	HQ7-GE18		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
120	050609211602	Nguyễn Xuân Trúc	02/13/2003	HQ9-GE27		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
121	050610221487	Dương Chí Trung	23/01/2004	HQ10-GE10		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
122	050609211627	Lê Thị Anh Tú	22/10/2003	HQ9-GE27		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
123	050608200761	Nguyễn Ngọc Thảo Vân	11/11/2002	HQ8-GE20	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM
124	050610220722	Phan Thiên Vi	27/01/2004	HQ10-GE06		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
125	050611231541	Nguyễn Thị Ái Vi	09/10/2005	HQ11-BAF15		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
126	050607190665	Trần Nguyễn Yên Vy	21/07/2001	HQ7-GE04	X				ĐH Ngân Hàng TP.HCM

TT	Mã số sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp sinh hoạt	Chứng chỉ Nâng cao	Chứng chỉ cơ bản	Chứng chỉ IC3	Chứng chỉ MOS	Nơi cấp
127	050608200771	Đặng Thị Đang Vy	10/11/2002	HQ8-GE13		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
128	050611231622	Huỳnh Thị Ngọc Xương	01/10/2004	HQ11-MAG03		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam
129	050610220768	Hoàng Hải Yến	30/12/2004	HQ10-GE12		X		X	ĐHNH + IIG Việt Nam

Tổng: 129 sinh viên

7h





No. 1769/QĐ-ĐHNH

Ho Chi Minh City, May 30th, 2025

DECISION

Regarding the Recognition of Information Technology Proficiency During the Course for Full-time Undergraduate Students in the English-Taught High-Quality Program – Cohort 11 and Earlier – May 2025 Round.

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024) of the Chairman of the University Council on promulgating the “Regulations on functions, duties, powers, and organizational structure of affiliated and subordinate units of Banking University Ho Chi Minh City”;

Pursuant to Decision No. 1577/QĐ-ĐHNH (August 31th, 2021) of the Rector on amending and supplementing a number of articles of the academic management regulations for high-quality undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City issued under Decision No. 2134A/QĐ-ĐHNH dated October 2, 2017;

Pursuant to Decision No. 466/QĐ-ĐHNH (February 28th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and management of undergraduate training at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) of the Rector on promulgating the Regulations on organization and implementation of high-quality training programs, partial English programs, and special undergraduate training programs at Banking University Ho Chi Minh City;

Pursuant to Decision No. 984/QĐ-ĐHNH (April 4, 2025), issued by the Rector on the promulgation of the Regulation on 'Information Technology Proficiency Standards at the Undergraduate Level at Banking University of Ho Chi Minh City';

Based on the IT certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Department of Academic Affairs.

DECIDES:

Article 1. To recognize 129 full-time undergraduate students in the English-Taught High-Quality Program (Cohort 11 and earlier) as having met the Information Technology Proficiency Standard during their course of study – May 2025 Round.

(List attached)

Article 2. Relevant units are to coordinate implementation in accordance with Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019), issued by the Rector regarding the promulgation of the regulations on grade management in the Academic Management Software System.

Article 3. Chief of the Office, Heads of the Department of Academic Affairs, Head of the Department of Testing and Quality Assurance, and the student mentioned in Article 1 are responsible for implementing this Decision. ✓

Recipients:

- As in Article 3;
- CSCR;
- Archives: CLC Office, GAO.

SIGN ON BEHALF OF THE RECTOR
VICE RECTOR
(Signed)

Ha Thi Thieu Dao

**LIST OF FULL-TIME UNDERGRADUATE STUDENTS IN THE ENGLISH-BASED PARTIAL CLC PROGRAM FROM COHORT 11 AND EARLIER
WHO HAVE MET THE INFORMATION TECHNOLOGY PROFICIENCY REQUIREMENT DURING THEIR STUDIES
MAY 2025 ROUND**

(Issued together with Decision No. /QĐ/ĐHNH, May 30th, 2025 by the Rector of Ho Chi Minh University of Banking)



No.	Student ID Number	Full Name		Date of Birth	Class	Advanced Certificate	Basic Certificate	IC3 Certificate	MOS Certificate	Issuing Authority
1	050610220003	Dang Van	An	18/12/2004	HQ10-GE14	X				HCM University of Banking
2	050610220789	Lam Minh	Anh	18/09/2004	HQ10-GE07		X		X	HUB + IIG Viet Nam
3	050610220799	Nguyen Thi Lan	Anh	12/02/2004	HQ10-GE14		X		X	HUB + IIG Viet Nam
4	050610220023	Hoang Thi Tram	Anh	03/03/2004	HQ10-GE25	X				HCM University of Banking
5	050610220800	Nguyen Thi Phuong	Anh	01/11/2004	HQ10-GE25		X		X	HUB + IIG Viet Nam
6	050610220807	Tu Nguyen Chau	Anh	02/10/2004	HQ10-GE26		X		X	HUB + IIG Viet Nam
7	050609211813	Bui Thi Van	Anh	27/04/2003	HQ9-GE13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
8	050607190045	Nguyen Thi Ngoc	Anh	29/05/2001	HQ7-GE17		X		X	HUB + IIG Viet Nam
9	050608200023	Nguyen Khanh	Bang	06/10/2002	HQ8-GE13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
10	050611230143	Dang Ngoc	Chau	28/01/2005	HQ11-BAF21		X		X	HUB + IIG Viet Nam
11	050611230174	Nguyen Vu Hoai	Dang	12/08/2005	HQ11-ACC03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
12	050611230180	Ngo Xuan	Danh	11/04/2005	HQ11-BAF13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
13	050610220133	Tran Huu	Duc	26/10/2004	HQ10-GE23	X				HCM University of Banking
14	050610220898	Truong Thi Cam	Giang	29/01/2004	HQ10-GE26		X		X	HUB + IIG Viet Nam
15	050609210298	Pham Thi Truong	Giang	27/11/2003	HQ9-GE14	X				HCM University of Banking
16	050610220139	Mai Thi Ngan	Ha	02/01/2004	HQ10-GE21		X		X	HUB + IIG Viet Nam
17	050609210330	Hoang Le Ngan	Ha	22/03/2003	HQ9-GE14		X		X	HUB + IIG Viet Nam
18	050610220146	Ly Chau	Hai	04/02/2004	HQ10-GE21		X		X	HUB + IIG Viet Nam
19	050610220925	Nguyen Truong Kha	Han	03/06/2004	HQ10-GE13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
20	050610220165	Nguyen Ngoc	Han	20/03/2004	HQ10-GE28		X		X	HUB + IIG Viet Nam
21	050609211917	Pham Dieu	Hang	15/02/2002	HQ9-GE14		X		X	HUB + IIG Viet Nam
22	050611230350	Luu Thanh	Hau	12/08/2005	HQ11-BAF21		X		X	HUB + IIG Viet Nam

No.	Student ID Number	Full Name		Date of Birth	Class	Advanced Certificate	Basic Certificate	IC3 Certificate	MOS Certificate	Issuing Authority
23	050609210420	Tran La Trung	Hieu	12/03/2003	HQ9-GE21		X		X	HUB + IIG Viet Nam
24	050610220941	Truong Hong	Hoa	15/04/2004	HQ10-GE21		X		X	HUB + IIG Viet Nam
25	050609210428	Tran Thi Minh	Hoai	08/20/2003	HQ9-GE21		X		X	HUB + IIG Viet Nam
26	050611230380	Tran Minh	Hoang	29/01/2005	HQ11-BAF14			X	X	IIG Viet Nam
27	050610220197	Ngo Quang	Hung	25/01/2004	HQ10-GE18		X		X	HUB + IIG Viet Nam
28	050610220966	Ngo Thanh	Huong	13/09/2004	HQ10-GE01		X		X	HUB + IIG Viet Nam
29	050610220220	Nguyen Ngoc Quynh	Huong	27/02/2004	HQ10-GE06		X		X	HUB + IIG Viet Nam
30	050610220965	Ho Quynh	Huong	08/09/2004	HQ10-GE25		X		X	HUB + IIG Viet Nam
31	030135190207	Nguyen Duc	Huy	09/06/2001	HQ7-GE16	X				HCM University of Banking
32	050609210474	Nguyen Quoc	Huy	10/08/2003	HQ9-GE03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
33	050609211956	Nguyen Dang Minh	Huy	11/02/2003	HQ9-GE07		X		X	HUB + IIG Viet Nam
34	050610220208	Le Khanh	Huyen	22/10/2004	HQ10-GE23	X				HCM University of Banking
35	050611230449	Nguyen Ngoc	Huyen	23/05/2005	HQ11-ACC03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
36	050608200372	Le Dinh Thanh	Huyen	15/04/2002	HQ8-GE09	X				HCM University of Banking
37	050608200069	Nguyen Thi Ngoc	Huyen	23/03/2002	HQ8-GE11		X		X	HUB + IIG Viet Nam
38	050607190180	Nguyen Ngoc	Huynh	17/11/2000	HQ7-GE12		X		X	HUB + IIG Viet Nam
39	050610220229	Nguyen An	Khang	29/07/2004	HQ10-GE27		X		X	HUB + IIG Viet Nam
40	050606180163	Doan Vo Minh	Khoa	04/09/2000	HQ6-GE08	X				HCM University of Banking
41	050611230522	Tran Nhu	Kim	09/04/2005	HQ11-BAF16		X		X	HUB + IIG Viet Nam
42	050609210629	Pham Thi Hong	Lien	04/05/2003	HQ9-GE22		X		X	HUB + IIG Viet Nam
43	050610220271	Luu Hue	Linh	31/08/2004	HQ10-GE01		X		X	HUB + IIG Viet Nam
44	050610220267	Le Nguyen Ha	Linh	26/05/2004	HQ10-GE09		X		X	HUB + IIG Viet Nam
45	050610221034	Nguyen Khanh	Linh	01/12/2004	HQ10-GE22		X		X	HUB + IIG Viet Nam
46	050610221030	Le Thi Yen	Linh	05/08/2004	HQ10-GE29	X				HCM University of Banking
47	050608200207	Ly Gia	Linh	14/03/2001	HQ8-GE09		X		X	HUB + IIG Viet Nam
48	050608200410	Dau Thi Khanh	Linh	04/11/2002	HQ8-GE19		X		X	HUB + IIG Viet Nam

No.	Student ID Number	Full Name		Date of Birth	Class	Advanced Certificate	Basic Certificate	IC3 Certificate	MOS Certificate	Issuing Authority
49	050609210640	Tran Ngoc Yen	Linh	11/6/2002	HQ9-GE03	X				HCM University of Banking
50	050609210646	Pham Ngoc	Linh	04/09/2003	HQ9-GE15		X		X	HUB + IIG Viet Nam
51	050609212018	Tran Nguyen Bao	Linh	24/05/2003	HQ9-GE15		X		X	HUB + IIG Viet Nam
52	050606180198	Cao Phat	Loi	25/02/1999	HQ6-GE08	X				HCM University of Banking
53	050610220287	Duong Mai	Ly	21/03/2004	HQ10-GE07		X		X	HUB + IIG Viet Nam
54	050610221063	Ho Le Thanh	Mai	16/02/2004	HQ10-GE08		X		X	HUB + IIG Viet Nam
55	050609212035	Nguyen Thi Hoa	Mai	18/04/2003	HQ9-GE15		X		X	HUB + IIG Viet Nam
56	050609212036	Pham Ngoc	Mai	09/12/2003	HQ9-GE22		X		X	HUB + IIG Viet Nam
57	050608200091	Duong Van	Minh	13/09/2002	HQ8-GE17		X		X	HUB + IIG Viet Nam
58	050610221090	Nguyen Thi	My	12/07/2004	HQ10-GE15	X				HCM University of Banking
59	050608200449	Nguyen Hong Hai	My	19/03/2002	HQ8-GE02		X		X	HUB + IIG Viet Nam
60	050609210794	Vo Thi Thuy	My	22/01/2003	HQ9-GE15		X		X	HUB + IIG Viet Nam
61	050609210797	Nguyen Nhat	Nam	09/09/2003	HQ9-GE23		X		X	HUB + IIG Viet Nam
62	050610221102	Tran Huynh	Nga	11/09/2004	HQ10-GE32		X		X	HUB + IIG Viet Nam
63	050610220339	Nguyen Thi Thuy	Ngan	18/07/2004	HQ10-GE16	X				HCM University of Banking
64	030135190355	Pham Kim	Ngan	11/06/2001	HQ7-GE05		X		X	HUB + IIG Viet Nam
65	050610220359	Nguyen Thi Cam	Ngoc	29/03/2004	HQ10-GE32	X				HCM University of Banking
66	050611230779	Do Yen	Ngoc	08/01/2005	HQ11-BAF05		X		X	HUB + IIG Viet Nam
67	050609212076	Tran Thi Bich	Ngoc	17/07/2003	HQ9-GE03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
68	050609210919	Nguyen Huynh Bich	Ngoc	09/29/2003	HQ9-GE07		X		X	HUB + IIG Viet Nam
69	050610221143	Duong Tran Thai	Nguyen	11/10/2004	HQ10-GE10		X		X	HUB + IIG Viet Nam
70	050610221152	Nguyen Hai	Nguyet	24/02/2004	HQ10-GE19		X		X	HUB + IIG Viet Nam
71	050609212080	Bui Thi Anh	Nguyet	04/09/2003	HQ9-GE16		X		X	HUB + IIG Viet Nam
72	050611230843	Nguyen Vu Thanh	Nhan	15/12/2005	HQ11-BAF13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
73	050609210966	Nguyen Huu	Nhan	17/09/2003	HQ9-GE16		X		X	HUB + IIG Viet Nam
74	050610220394	Le Thi Ngoc	Nhi	04/06/2004	HQ10-GE24	X				HCM University of Banking

No.	Student ID Number	Full Name		Date of Birth	Class	Advanced Certificate	Basic Certificate	IC3 Certificate	MOS Certificate	Issuing Authority
75	050610220389	Do Ngoc Thao	Nhi	21/04/2004	HQ10-GE25		X		X	HUB + IIG Viet Nam
76	050611230897	Tran Duy Yen	Nhi	16/04/2005	HQ11-ACC05		X		X	HUB + IIG Viet Nam
77	050611230887	Nguyen Thi Yen	Nhi	08/11/2005	HQ11-MAG06		X		X	HUB + IIG Viet Nam
78	050609210989	Ong Gia	Nhi	09/20/2003	HQ9-GE03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
79	050611230935	Nguyen Ngoc Yen	Nhu	03/10/2005	HQ11-BAF17	X				HCM University of Banking
80	050611230940	Nguyen Thi Quynh	Nhu	07/11/2005	HQ11-BAF17		X		X	HUB + IIG Viet Nam
81	050609212126	To Ha Kieu	Oanh	22/06/2003	HQ9-GE16		X		X	HUB + IIG Viet Nam
82	050611231021	Tran Huyen	Phuong	24/03/2005	HQ11-ACC01		X		X	HUB + IIG Viet Nam
83	050609212146	Nguyen Pham Hoang	Phuong	26/02/2003	HQ9-GE16		X		X	HUB + IIG Viet Nam
84	050610220488	Le My	Quyen	06/07/2004	HQ10-GE29		X		X	HUB + IIG Viet Nam
85	050610220502	Nguyen Thi Nam	Quynh	28/01/2004	HQ10-GE22		X		X	HUB + IIG Viet Nam
86	050610220506	Ta Diem Nhu	Quynh	01/06/2004	HQ10-GE23		X		X	HUB + IIG Viet Nam
87	050610221289	Phan Nguyen Nhu	Sa	03/09/2004	HQ10-GE19		X		X	HUB + IIG Viet Nam
88	050611231086	Truong Tan	Sang	09/09/2005	HQ11-BAF07		X		X	HUB + IIG Viet Nam
89	050611231097	Nguyen Tan	Tai	09/01/2005	HQ11-BAF16		X		X	HUB + IIG Viet Nam
90	050610220537	Vu An	Thanh	19/02/2004	HQ10-GE29		X		X	HUB + IIG Viet Nam
91	050610220547	Ngo Nguyen	Thao	23/12/2004	HQ10-GE10	X				HCM University of Banking
92	050611231148	Le Thi Phuong	Thao	04/05/2005	HQ11-BAF13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
93	050611231168	Vuong Thi Thanh	Thao	26/01/2005	HQ11-BAF13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
94	050608200145	Bui Thi Thanh	Thao	09/08/2002	HQ8-GE03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
95	050609211328	Bui Truong Phuong	Thao	01/07/2003	HQ9-GE02		X		X	HUB + IIG Viet Nam
96	050609211349	Luong Thanh	Thao	10/01/2003	HQ9-GE26	X				HCM University of Banking
97	050611231171	Nguyen Pham Anh	Thi	04/05/2005	HQ11-BAF19		X		X	HUB + IIG Viet Nam
98	050611231189	Tu Truong Hoai	Thu	07/06/2005	HQ11-BAF12		X		X	HUB + IIG Viet Nam
99	050610220599	Quan Thi Minh	Thu	29/01/2004	HQ10-GE01		X		X	HUB + IIG Viet Nam
100	050611231197	Huynh Anh	Thu	17/11/2005	HQ11-BAF04		X		X	HUB + IIG Viet Nam

No.	Student ID Number	Full Name		Date of Birth	Class	Advanced Certificate	Basic Certificate	IC3 Certificate	MOS Certificate	Issuing Authority
101	050611231225	Nguyen Thi Minh	Thu	12/11/2005	HQ11-BAF14		X		X	HUB + IIG Viet Nam
102	050611231222	Nguyen Thi Minh	Thu	08/06/2005	HQ11-BAF15		X		X	HUB + IIG Viet Nam
103	050611231237	Tran Thi Anh	Thu	02/09/2004	HQ11-BAF20		X		X	HUB + IIG Viet Nam
104	050610220610	Cao Nhat	Thy	25/06/2004	HQ10-GE14	X				HCM University of Banking
105	050611231293	Vo Thi Kieu	Tien	15/06/2003	HQ11-MAG02		X		X	HUB + IIG Viet Nam
106	050606180337	Tran Thuy	Tien	12/11/2000	HQ6-GE09		X		X	HUB + IIG Viet Nam
107	110302200031	Nguyen Tran My	Tien	19/02/2002	HQ8-GE06	X				HCM University of Banking
108	050609212255	Tran Thi Thuy	Tien	20/09/2003	HQ9-GE27		X		X	HUB + IIG Viet Nam
109	050611231296	Tran The	Tien	30/09/2005	HQ11-MAG02		X		X	HUB + IIG Viet Nam
110	050610221423	Bui Quoc	Toi	15/07/2004	HQ10-GE21		X		X	HUB + IIG Viet Nam
111	050609211530	Truong Ngoc	Tran	14/11/2003	HQ9-GE03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
112	050610220625	Do Mai	Trang	12/01/2004	HQ10-GE06		X		X	HUB + IIG Viet Nam
113	050611231409	Vu Thi Thuy	Trang	09/03/2005	HQ11-MAG07		X		X	HUB + IIG Viet Nam
114	050609211577	Do Cao	Tri	24/07/2003	HQ9-GE18		X		X	HUB + IIG Viet Nam
115	050609211580	Nguyen Minh	Triet	21/03/2003	HQ9-GE03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
116	050610220667	Le Thao Phuong	Trinh	21/06/2004	HQ10-GE28		X		X	HUB + IIG Viet Nam
117	050611231440	Hoang Thanh	Truc	12/05/2005	HQ11-BAF17		X		X	HUB + IIG Viet Nam
118	050611231438	Do Ngoc	Truc	04/08/2005	HQ11-BAF19		X		X	HUB + IIG Viet Nam
119	050607190591	Nguyen Thanh	Truc	29/03/2001	HQ7-GE18		X		X	HUB + IIG Viet Nam
120	050609211602	Nguyen Xuan	Truc	02/13/2003	HQ9-GE27		X		X	HUB + IIG Viet Nam
121	050610221487	Duong Chi	Trung	23/01/2004	HQ10-GE10		X		X	HUB + IIG Viet Nam
122	050609211627	Le Thi Anh	Tu	22/10/2003	HQ9-GE27		X		X	HUB + IIG Viet Nam
123	050608200761	Nguyen Ngoc Thao	Van	11/11/2002	HQ8-GE20	X				HCM University of Banking
124	050610220722	Phan Thien	Vi	27/01/2004	HQ10-GE06		X		X	HUB + IIG Viet Nam
125	050611231541	Nguyen Thi Ai	Vi	09/10/2005	HQ11-BAF15		X		X	HUB + IIG Viet Nam
126	050607190665	Tran Nguyen Yen	Vy	21/07/2001	HQ7-GE04	X				HCM University of Banking

No.	Student ID Number	Full Name		Date of Birth	Class	Advanced Certificate	Basic Certificate	IC3 Certificate	MOS Certificate	Issuing Authority
127	050608200771	Dang Thi Dang	Vy	10/11/2002	HQ8-GE13		X		X	HUB + IIG Viet Nam
128	050611231622	Huynh Thi Ngoc	Xuong	01/10/2004	HQ11-MAG03		X		X	HUB + IIG Viet Nam
129	050610220768	Hoang Hai	Yen	30/12/2004	HQ10-GE12		X		X	HUB + IIG Viet Nam

Total: 129 students 

